

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2020/DS-ST

Ngày: 04-9-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cù Thụy Phương Trang.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly – Là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm Sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 568/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2020/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà Ree Tower, số 9 đường Đoàn Văn Bơ, Phường 12, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Đặng Hoàng Sung, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 89/25 đường số 59, Phường 14, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Yên Nh, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: 493A/116 đường C, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/11/2016 bà Đỗ Thị Yến Nh có ký hợp đồng tín dụng số 20161117-0008031 với Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 34.815.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng bà Nh có trách nhiệm thanh toán số tiền 63.972.014 đồng (gồm vốn gốc là 34.815.000 đồng và lãi là 29.157.014 đồng), trả chậm liên tiếp trong 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.779.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.707.014 đồng. Kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 18/12/2016, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 18/11/2019.

Thực hiện hợp đồng, bà Nh đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho Ngân hàng được 06 lần với tổng số tiền là 10.746.000 đồng (tiền gốc 3.120.629 đồng, tiền lãi 7.625.371 đồng). Từ ngày 18/5/2017 bà Nh không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở, yêu cầu thanh toán nợ. Tại Tòa, Ngân hàng yêu cầu bà Nh phải trả toàn bộ khoản nợ tới hạn là 53.226.014 đồng: Trong đó nợ gốc là 31.694.371 đồng, nợ lãi còn lại tính đến ngày 18/11/2019 là 21.531.643 đồng. Tiền lãi phát sinh từ ngày 19/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, Ngân hàng tự nguyện không tính với bà Nh. Nguyên đơn xác định, khoản nợ nêu trên là nợ của cá nhân bà Nhi với Ngân hàng. Đó đó, Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân bà Nh trả nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử nên đã vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm khoản 5, khoản 11 Điều 70 và khoản 2 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thị Yến Nh trả nợ vay, đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đỗ Thị Yến Nh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng bà Nhi không cung cấp chứng cứ, không đến Tòa án làm bản khai để phản bác yêu cầu của nguyên đơn, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình, do đó Tòa án căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án. Mặt khác, bà Nh vắng mặt tại phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 20161117-0008031 ngày 15/11/2016 được ký kết giữa Ngân hàng với bà Đỗ Thị Yến Nh là hợp đồng vay tín chấp. Bà Nhi vay 34.815.000 đồng của Ngân hàng để tiêu dùng cá nhân và có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 63.972.014 đồng (gồm vốn gốc là 34.815.000 đồng và lãi là 29.157.014 đồng) trả chậm liên tiếp trong 36 tháng bắt đầu từ ngày 18/12/2016 và kết thúc vào ngày 18/11/2019.

Sau khi ký kết hợp đồng, bà Nh đã nhận đủ số tiền vay, tuy nhiên bà Nh không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Căn cứ vào Bảng thống kê lịch sử thanh toán do nguyên đơn cung cấp và lời khai của nguyên đơn thì từ ngày vay đến ngày 16/5/2017 bà Nhi mới thanh toán cho Ngân hàng được được 06 lần với tổng số tiền là 10.746.000 đồng (tiền gốc 3.120.629 đồng, tiền lãi 7.625.371 đồng). Từ ngày 18/5/2017 bà Nh không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Ngân hàng. Bà Nh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được thỏa thuận trong hợp đồng nên Ngân hàng được quyền khởi kiện đối với bà Nh để thu hồi nợ.

[2.2] Xét yêu cầu về tiền gốc: Tại phiên tòa, nguyên đơn đòi bị đơn trả nợ gốc còn lại là 31.694.371 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy bà Nh vay 34.815.000 đồng của Ngân hàng, hết hạn hợp đồng bà Nh mới trả cho Ngân hàng được 3.120.629 đồng nợ gốc. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc bà Nh phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc còn lại là 31.694.371 đồng.

[2.3]. Xét yêu cầu về tiền lãi: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 20161117-0008031 ngày 15/11/2016 Ngân hàng thỏa thuận với bà Nhi về mức lãi suất vay là 3.75% /tháng. Xét thấy, mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Số tiền lãi các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 29.157.014 đồng, bị đơn đã trả được 7.625.371 đồng còn lại 21.531.643 đồng. Hội đồng xét xử cần buộc bà Nhi phải trả cho Ngân hàng số nợ lãi còn lại là 21.531.643 đồng. Ngân hàng không yêu cầu tính lãi đối với bà Nhi từ ngày 19/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, xét thấy đây sự tự nguyện của nguyên đơn, sự tự nguyện này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đồng thời có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Án phí dân sự sơ thẩm mà bị đơn phải chịu là 53.226.014 đồng x 5% = 2.661.300 đồng. Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng vào Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Đỗ Thị Yến Nhi có nghĩa vụ trả cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 53.226.014 đồng (*năm mươi ba triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm mười bốn đồng*): Trong đó nợ gốc là 31.694.371 đồng (*ba mươi một triệu, sáu trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm bảy mươi một đồng*); nợ lãi là 21.531.643 đồng (*hai mươi một triệu, năm trăm ba mươi một nghìn, sáu trăm bốn mươi ba đồng*), thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 05/9/2020 trên nợ gốc còn lại cho đến khi trả hết **nợ** gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 20161117-0008031 ngày 15/11/2016.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 2.661.300 đồng (*hai triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, ba trăm đồng*) buộc bà Đỗ Thị Yến Nhi phải chịu. Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.330.650 đồng (*một triệu, ba trăm ba mươi nghìn, sáu trăm năm mươi đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0014199 ngày 20/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và bị đơn bà Đỗ Thị Yến Nhi có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Hương